

Bản án số: 113/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2020

V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bình Triệu

Ông Hồ Quốc Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Võ Hồng Quân, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 244/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2020/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Danh Văn Đ, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Huỳnh Tú Trinh, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Bích L, sinh năm 1981 (có mặt)

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 27/9/2019, biên bản hòa giải ngày 01/7/2020 cũng như tại phiên tòa anh Danh Văn Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Đ cùng thống nhất lời trình bày:*

Anh Đ và chị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh Đ chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống nên thường cự cãi nhau và chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau ở từ tháng 8/2019 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh Đ yêu cầu chấm dứt mối quan hệ với chị L.

Con chung: Thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Danh Thị Tú A, sinh năm 2000 và Danh Hoàng E, sinh ngày 09/02/2003. Hiện nay, Tú A đã có gia đình và ra sống riêng, còn cháu Hoàng E do anh Đ nuôi dạy. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu nuôi dạy cháu Hoàng E nhưng không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung anh Đ và chị L tự thỏa thuận nên không yêu cầu xem xét.

**Tại biên bản hòa giải ngày 01/7/2020 cũng như tại phiên tòa, chị Phạm Thị Bích L trình bày:*

Chị L thống nhất với phần trình bày của anh Đ về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do cuộc sống chung của chị L và anh Đ không còn hạnh phúc nên chị L thống nhất chấm dứt mối quan hệ với anh Đ.

Về con chung: Chị L tự nguyện giao cháu Hoàng Em cho anh Đ tiếp tục nuôi dạy, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Anh Đ và chị L chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, căn cứ vào Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Đ và chị L là vợ chồng; con chung là cháu Danh Hoàng E, sinh ngày 09/02/2003 có yêu cầu được sống với anh Đ nên đề nghị giao anh Đ tiếp tục nuôi dạy,

chị L không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung anh Đ và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Danh Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Bích L. Do anh Đ và chị L chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Chị L có hộ khẩu thường trú tại ấp A, xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau và chỗ ở hiện nay thuộc ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đ và chị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TB, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau về việc anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Tại biên bản hòa giải ngày 01/7/2020 cũng như tại phiên tòa anh chị thừa nhận thời gian chung sống với nhau có phát sinh mâu thuẫn nên anh chị thống nhất chấm dứt mối quan hệ với nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận anh Danh Văn Đ và chị Phạm Thị Bích L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Danh Thị Tú A, sinh năm 2000 và Danh Hoàng E, sinh ngày 09/02/2003 (giới tính nam). Xét thấy, tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 01/7/2020 cũng như tại phiên tòa, chị L thống nhất giao cháu Hoàng E cho anh Đ tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng của cháu Hoàng E tại bản tự khai ngày 22/9/2019. Riêng Danh Thị Tú A đã trưởng thành và có gia đình ở riêng nên hội đồng xét xử không xét là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

Anh Đ không yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tại biên bản hòa giải ngày 01/7/2020 cũng như tại phiên tòa, anh Đ và chị L xác định tài sản chung và nợ chung anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Danh Văn Đ phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các điều 14, 53, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Danh Văn Đ và chị Phạm Thị Bích L là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Danh Hoàng E, sinh ngày 09/02/2003 (giới tính nam) cho anh Danh Văn Đ tiếp tục nuôi dạy. Chị Phạm Thị Bích L không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L không trực tiếp nuôi dạy Hoàng E nhưng chị có quyền thăm nom chăm sóc theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Danh Văn Đ và chị Phạm Thị Bích L tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Danh Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 04 tháng 5 năm 2020 anh Đ có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011136 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND huyện Thới Bình;

- THADS huyện Thới Bình;

- TAND tỉnh Cà Mau;

- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kiều Trang